

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

---

## **HỒ SƠ TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

**TÊN SẢN PHẨM:** Bánh gói bơ

Số: 06/TCB-FJM/2024

**Tên công ty:** CÔNG TY TNHH BÁN LẺ FUJIMART VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, Tp. Hà Nội, Việt Nam

ĐT: 024.3942.4565 – Website: fujimart.vn



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

Số: 06/TCB-FJM/2024

**I/ Thông tin tổ chức tự công bố:**

- Tên công ty: **CÔNG TY TNHH BÁN LẺ FUJIMART VIỆT NAM**
- Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, Tp. Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại: 024-3942-4565 E-mail: thuy.nth@fujimart.vn
- Mã số doanh nghiệp: 0108432911
- Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATVSTP:
  - + Công ty TNHH Bán lẻ Fujimart Việt Nam – số 58/GCNATTPKD-SCT, ngày cấp 20/5/2024, nơi cấp: Sở Công Thương thành phố Hà Nội.
  - + Công ty TNHH Bán lẻ và Siêu thị Việt Nam – số 67/GCNATTPKD-SCT, ngày cấp 30/5/2024, nơi cấp: Sở Công Thương thành phố Hà Nội.
  - + Công ty TNHH Bán lẻ và Siêu thị Việt Nam – số 132/GCNATTPKD-SCT, ngày cấp 13/09/2024, nơi cấp: Sở Công Thương thành phố Hà Nội

**II/ Thông tin sản phẩm**

1. Tên sản phẩm: Bánh gói bơ
2. Thành phần: Bột mì, trứng gà, bơ (12%), đường, men, muối, phụ gia bánh mì (bột mì, chất ổn định (INS 170(i), INS 460(ii)), bột đậu nành, chất nhũ hóa (INS 472e), gluten, enzymes, acid ascorbic (INS 300), chất xử lý bột (INS 927a))
3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 3 ngày kể từ ngày sản xuất
4. Hướng dẫn sử dụng: Sản phẩm ăn liền
5. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:
  - Quy cách đóng gói: Khối lượng tịnh: 100 g, 150 g, 200 g, 220 g, 250 g, 300 g....Quy cách có thể thay đổi tùy theo nhu cầu thị trường và được ghi rõ trên nhãn sản phẩm.
  - Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đựng trong túi PA, PP, OPP/CPP, hộp nhựa, hộp giấy, túi giấy . ... được phép dùng trong thực phẩm theo quy định của Bộ Y Tế.
  - Xuất xứ: Sản xuất tại Việt Nam

Sản phẩm của Công ty: **CÔNG TY TNHH BÁN LẺ FUJIMART VIỆT NAM**

Địa chỉ trụ sở: Số 142 Lê Duẩn, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, Tp. Hà Nội, Việt Nam

- ❖ Sản xuất tại các địa điểm kinh doanh trực thuộc Công ty TNHH Bán lẻ Fujimart Việt Nam
  - Địa điểm kinh doanh số 1: Số 142 Lê Duẩn, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.
  - Địa điểm kinh doanh số 2: Tầng 1, tòa nhà Peakview Tower, số 36 phố Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.
  - Địa điểm kinh doanh số 3: Tầng 1 và 2, Tòa nhà Oriental Tower, số 324 phố Tây Sơn, phường Ngã Tư Sở,

8433  
CỘNG  
HÒA  
XÃ HỘI  
CHỦ NGHĨA  
VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

- Địa điểm kinh doanh số 4: Tầng 2, tòa nhà Thương mại văn phòng và căn hộ Hateco Plaza lô đất số 4A, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.
- Địa điểm kinh doanh số 5: Tầng 1, Tổ hợp thương mại văn phòng cho thuê Machinco 1, số 10, đường Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.
- ❖ Sản xuất tại các địa điểm kinh doanh thuộc Công ty TNHH Bán lẻ và Siêu thị Việt Nam – Đơn vị trực thuộc Công ty TNHH Bán lẻ Fujimart Việt Nam
- Địa điểm kinh doanh số 1: Tầng 1, Tòa nhà CT2 (The Light), Khu đô thị Trung Văn, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.
- Địa điểm kinh doanh số 2: Tầng 1, số 51 Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.
- Địa điểm kinh doanh số 3: Tầng 1, Tòa nhà số 15 – 17 Ngọc Khánh, phường Giảng Võ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.
- Địa điểm kinh doanh số 4: số 174 Lạc Long Quân, phường Bưởi, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội
- Địa điểm kinh doanh số 5: Tầng 1, Tòa nhà MD Complex Tower, Khu đô thị Mỹ Đình I, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.
- Địa điểm kinh doanh số 6: Số 89 Bùi Ngọc Dương, phường Bạch Mai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
- Địa điểm kinh doanh số 7: Tầng 1, 2 số 181 Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
- Địa điểm kinh doanh số 8: Số 04 phố Chính Kinh, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.
- Địa điểm kinh doanh số 9: Tầng 2, Dự án Diamond Plaza, số 25 Lê Văn Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.
- Địa điểm kinh doanh số 10: Tầng 1, tòa nhà Trung Yên 1, đường Trung Yên 1, khu đô thị Trung Yên, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

### III/ Mẫu nhãn sản phẩm: Theo Thông tin mẫu nhãn đính kèm

- Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/04/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa
- Nghị định số 111/2021/NĐ-CP ngày 09/12/2021 của Chính phủ: Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 43/2017/NĐ-CP cấp ngày 14/04/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa.

### IV/ Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Sản phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm
- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm
- QCVN 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.
- Thông tư 24/2019/TT-BYT Thông tư quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.
- Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của thủ tướng chính phủ: Quy định chi tiết thi hành một số điều luật của luật an toàn Thực Phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hà Nội, ngày 20 tháng 12 năm 2024

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ  
TỔNG GIÁM ĐỐC**



## MẪU NHÃN DỰ KIẾN

**Tên sản phẩm:** Bánh gối bơ

**Thành phần:** Bột mì, trứng gà, bơ (12%), đường, men, muối, phụ gia bánh mì (bột mì, chất ổn định (INS 170(i), INS 460(ii)), bột đậu nành, chất nhũ hóa (INS 472e), gluten, enzymes, acid ascorbic (INS 300), chất xử lý bột (INS 927a))

**Ngày sản xuất:** xem trên bao bì

**Hạn sử dụng:** 3 ngày kể từ ngày sản xuất

**Hướng dẫn sử dụng:** Sản phẩm ăn liền

**Hướng dẫn bảo quản:** Bảo quản nhiệt độ thường, nơi khô ráo, thoáng mát

**Thông tin cảnh báo:** Không sử dụng sản phẩm khi có dấu hiệu hư hỏng

**Khối lượng tịnh:** xem trên bao bì

Số tự công bố: 06/TCB-FJM/2024

- **Xuất xứ:** Sản xuất tại Việt Nam

Sản phẩm của: Công ty TNHH Bán lẻ Fujimart Việt Nam

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

Sản xuất tại: (theo địa điểm sản xuất thực tế)

| THÔNG TIN DINH DƯỠNG (Nutrition facts)                        |                                  |
|---------------------------------------------------------------|----------------------------------|
| Thành phần dinh dưỡng<br>(Nutritional ingredients)            | Trên 100g<br>(Serving size 100g) |
| Năng lượng                                                    | 343 Kcal                         |
| Carbohydrate                                                  | 40.58 g                          |
| Chất béo                                                      | 15.1 g                           |
| Protein                                                       | 9.91 g                           |
| Natri                                                         | 277 mg                           |
| Đường tổng                                                    | 7.14 g                           |
| Hàm lượng dinh dưỡng không thấp hơn 80% giá trị ghi trên nhãn |                                  |



AR-24-VD-167525-02 / EUVNHC-00301377- Trang : 1 / 2

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

## CÔNG TY TNHH BÁN LẺ FUJIMART VIỆT NAM

Số 142, đường Lê Duẩn, Phường Khâm Thiên, Quận Đống Đa  
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mã số PO của khách hàng : NGM22411020033-HN

Mã số mẫu : 743-2024-00163756

Tên mẫu :

Bánh gối bơ

Tình trạng mẫu :

Mẫu đựng trong túi nhựa

Ngày nhận mẫu :

02/11/2024

Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 09/11/2024

Thời gian thử nghiệm :

02/11/2024 - 09/11/2024

| STT | CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM                                | ĐƠN VỊ    | PHƯƠNG PHÁP THỬ                                            | KẾT QUẢ                     |
|-----|----------------------------------------------------|-----------|------------------------------------------------------------|-----------------------------|
| 1   | VW019 VW (a) <i>Escherichia coli</i>               | cfu/ g    | TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)                        | Không phát hiện (LOD=10)    |
| 2   | VW00G VW (a) <i>Staphylococcus aureus</i>          | cfu/ g    | ISO 6888-1: 2021/Amd 1: 2023                               | Không phát hiện (LOD=10)    |
| 3   | VW014 VW (a) <i>Clostridium perfringens</i>        | cfu/ g    | ISO 15213-2:2023                                           | Không phát hiện (LOD=10)    |
| 4   | VW015 VW (a) <i>Coliforms</i>                      | cfu/ g    | TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)                             | Không phát hiện (LOD=10)    |
| 5   | VW025 VW (a) <i>Bacillus cereus</i>                | cfu/ g    | AOAC 980.31                                                | Không phát hiện (LOD=10)    |
| 6   | VD21P VD Tổng số bào tử nấm men và nấm mốc         | cfu/ g    | AOAC 2014.05                                               | 5.5x10 <sup>1</sup>         |
| 7   | VW012 VW (a) Tổng số vi sinh vật hiếu khí          | cfu/ g    | ISO 4833-1:2013/Amd 1-2022                                 | 3.9x10 <sup>2</sup>         |
| 8   | VD157 VD (a) Xơ Dinh Dưỡng                         | g/ 100 g  | AOAC 991.43                                                | 2.79                        |
| 9   | VD165 VD (a) Béo                                   | g/ 100 g  | EVN-R-RD-2-TP-3498 (Ref. FAO Food 14/7-1986)               | 15.1                        |
| 10  | VD304 VD (a) Đường tổng                            | g/ 100 g  | EVN-R-RD-2-TP-4978                                         | 7.14                        |
| 11  | VW066 VW (a) Protein                               | g/ 100 g  | N79-R-RD1-TP-9757 (Ref. TCVN 8125:2015)                    | 9.91                        |
| 12  | VWWS6 VW Carbohydrat (không bao gồm xơ dinh dưỡng) | g/ 100 g  | FAO Food and Nutrition paper 77 Chapter 2/section 2.3:2003 | 40.58                       |
| 13  | VD279 VD (a) Natri (Na)                            | mg/ 100 g | EVN-R-RD-2-TP-3500 (Ref. AOAC 969.23)                      | 277                         |
| 14  | VW067 VW (a) Ochratoxin A                          | µg/ kg    | N79-R-RD1-TP-9395 (Ref. TCVN 12599:2018; EN 16007:2011)    | Không phát hiện (LOD=0.5)   |
| 15  | VW068 VW (a) Aflatoxin B1                          | µg/ kg    | TCVN 7596:2007 (ISO 16050:2003)                            | Không phát hiện (LOD=0.5)   |
| 16  | VW068 VW (a) Aflatoxin tổng (B1, B2, G1, G2)       | µg/ kg    | TCVN 7596:2007 (ISO 16050:2003)                            | Không phát hiện (LOD=0.5)   |
| 17  | VW072 VW (a) Chì (Pb)                              | mg/ kg    | N79-R-RD1-TP-12629 (Ref. AOAC 2015.01)                     | Không phát hiện (LOD=0.017) |
| 18  | VW073 VW (a) Cadimi (Cd)                           | mg/ kg    | N79-R-RD1-TP-12629 (Ref. AOAC 2015.01)                     | Không phát hiện (LOD=0.01)  |





AR-24-VD-167525-02 / EUVNHC-00301377- Trang : 2 / 2

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2024-00163756

| STT | CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM                                | ĐƠN VỊ      | PHƯƠNG PHÁP THỬ | KẾT QUẢ |
|-----|----------------------------------------------------|-------------|-----------------|---------|
| 19  | VWL74 VW <b>Năng lượng (Bao gồm xơ dinh dưỡng)</b> | kcal/ 100 g | FAO 2003 77     | 343     |

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Ký tên



Trần Thị Mỹ Dung  
Giám đốc Chi nhánh Hà Nội



Lý Hoàng Hải  
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Trần Thị Mỹ Dung 07/01/2025, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 07/01/2025.

### Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng cung cấp. Thông tin mẫu và thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến Công ty TNHH Eurofins Sacký Hải Đăng trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sacký Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sacký Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải [www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sacký-hải-đăng/điều-khoản-và-điều-kiện-chung-về-cung-cấp-dịch-vụ/](http://www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sacký-hải-đăng/điều-khoản-và-điều-kiện-chung-về-cung-cấp-dịch-vụ/).

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sacký Hải Đăng xây dựng.

Tất cả các phương pháp (như AOAC, phương pháp nội bộ...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.

Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sacký Hải Đăng.

(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.

(\*Kết quả này thay cho kết quả số AR-24-VD-167525-01/743-2024-00163756, xuất ngày 30/12/2024; bản kết quả cũ sẽ bị hủy.)

